TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **60**/2020/HNGĐ-ST. Ngày: 31-3-2020. *V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Phạm Thị Như Súy.

+ Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Ông Tần Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại Tụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "*Ly hôn và Tanh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983. *Có mặt.*

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Tổ 4, thôn D, xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T tổ chức xây dựng gia đình năm 2002 và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 11/12/2002. Việc kết hôn là tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian sau xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên không tìm được tiếng nói chung và anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con; đi làm không chu cấp tiền để chị nuôi con. Hiện nay, chị và các con đã về

nhà mẹ ruột sinh sống. Chị thấy tình cảm giữa chị và anh T không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hải L, sinh ngày 19/4/2003 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 17/6/2013. Chị có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị N không có Tình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T đều cố tình vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, anh T không có ý kiến về nội dung vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có Tong hồ sơ vụ án và kết quả Tanh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Nguyễn Thanh T tại thôn D, xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam; chị N yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện S, tỉnh Quảng Nam ngày 11/12/2002 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn, chị N và anh T sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn . Theo chị N nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung và anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con; đi

làm không chu cấp tiền để chị nuôi con nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được.

Tại biên bản xác minh ngày 05/12/2019, UBND xã Q cung cấp: *"Địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh T"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T đều vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị N và anh T đã không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh T không thể hòa giải được, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống giữa chị N và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Hải L, sinh ngày 19/4/2003 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 17/6/2013. Chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Theo kết quả xác minh tại UBND xã Q thì chị N đang làm công nhân, có công việc ổn định nên đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay, các con đều đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T làm nghề lái xe đường dài và ít có thời gian chăm sóc con; công việc và thu nhập của anh T có ổn định hay không thì địa phương không rõ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T đều vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, cháu L và cháu Ng đang ở với chị N. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu L và cháu Ng cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên không đề cập.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ Tên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh T về việc: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải L, sinh ngày 19/4/2003 và Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 17/6/2013 cho chị N Tực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*. Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0007145 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Tường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo Tong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Thuận, huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Thể